

TRÌNH BÀY VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO VAS 28 TẠI CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Phạm Thị Thủy*

Ra đời từ năm 2005, nhưng việc áp dụng VAS 28 trong thực tiễn còn có nhiều điểm bất cập. Thông tin về các bộ phận nếu được cung cấp một cách hợp lý sẽ hữu ích đối với nhiều đối tượng sử dụng báo cáo tài chính doanh nghiệp. Bài viết này bao gồm ba nội dung cơ bản: (1) Qui định trình bày thông tin về các bộ phận theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, (2) Thực tế trình bày thông tin về các bộ phận tại các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam – so sánh với một số nước trên thế giới và (3) Ý nghĩa sử dụng thông tin về các bộ phận cho các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính.

Từ khóa: VAS 28, báo cáo bộ phận, báo cáo tài chính, phân tích báo cáo tài chính.

1. Giới thiệu

Trên thế giới, qui định về báo cáo bộ phận có từ năm 1976 tại Hoa Kỳ với chuẩn mực báo cáo tài chính SFAS 14 – Financial Reporting for Segments of a Business Enterprise và được thay thế bằng SFAS 131 năm 1997. Trên góc độ chuẩn mực kế toán quốc tế, IAS 14 - Segment Reporting ra đời năm 1981, được sửa đổi năm 1997 và 2003. Năm 2006 Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) đã ban hành Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS 8 – Operating Segments thay thế cho IAS 14 và chính thức áp dụng từ 1/1/2009. Điểm khác biệt cơ bản giữa IFRS 8 và IAS 14 là đối tượng áp dụng chuẩn mực, định nghĩa bộ phận hoạt động và những thông tin cần báo cáo, trong đó IFRS 8 có cách tiếp cận về các bộ phận hoạt động từ góc nhìn của các nhà quản lý doanh nghiệp trong khi IAS 14 có cách tiếp cận về các bộ phận hoạt động trên góc độ tuân thủ các chuẩn mực báo cáo tài chính (Epstein và Jermakowicz, 2009; PricewaterhouseCooper, 2008a, tr.6). Sau khi ra đời, IFRS 8 là nền tảng để các quốc gia soạn thảo chuẩn mực báo cáo bộ phận riêng của mình, trong đó Nghị viện Châu Âu chính thức thông qua việc chuyển đổi áp dụng từ IAS 14 sang IFRS 8

tại Liên minh Châu Âu vào tháng 11/2007 và IFRS 8 có xu hướng đồng nhất với SFAS 131 của Hoa Kỳ (PricewaterhouseCooper, 2008a, tr.6; Valenza và Heem, 2010, tr.4).

Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – Báo cáo bộ phận (VAS 28) ra đời năm 2005 trên cơ sở tuân thủ 100% theo IAS 14 (PricewaterhouseCooper, 2008b, tr.17). Mặc dù chưa có những cập nhật theo IFRS 8, với việc quy định nguyên tắc và phương pháp thiết lập các thông tin tài chính theo bộ phận (lĩnh vực kinh doanh hoặc/và các khu vực địa lý) khác nhau của doanh nghiệp, VAS 28 vẫn có ý nghĩa trong việc giúp các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính đánh giá đúng các rủi ro và lợi ích kinh tế của doanh nghiệp và có những nhận xét xác đáng về doanh nghiệp.

2. Qui định trình bày thông tin về các bộ phận theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam

VAS 28 yêu cầu các công ty cổ phần niêm yết hoặc đang trong quá trình chuẩn bị niêm yết trên thị trường chứng khoán cần trình bày thông tin về các bộ phận hoạt động kinh doanh của mình trong thuyết minh báo cáo tài chính. VAS 28 định nghĩa một bộ phận cần báo cáo trong thuyết minh báo cáo

tài chính là một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên các tiêu chí sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (về tính chất của hàng hóa và dịch vụ, tính chất của qui trình sản xuất, kiểu hoặc nhóm khách hàng, phương pháp phân phối sản phẩm, điều kiện của môi trường pháp lí) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Các nhân tố cần xem xét để xác định bộ phận theo khu vực địa lý gồm tính tương đồng của các điều kiện kinh tế- chính trị, mối quan hệ của những hoạt động trong các khu vực địa lý khác nhau, tính tương đồng của hoạt động kinh doanh, rủi ro đặc biệt có liên quan đến hoạt động trong một khu vực địa lý cụ thể, các quy định về kiểm soát ngoại hối và các rủi ro về tiền tệ.

Doanh nghiệp lập các báo cáo bộ phận chính yếu và báo cáo bộ phận thứ yếu căn cứ vào tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ mà doanh nghiệp đó sản xuất ra thì báo cáo chính yếu phải căn cứ vào thông tin về lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu căn cứ vào thông tin về khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu do doanh nghiệp hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau thì báo cáo chính yếu phải căn cứ vào thông tin về khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu phải căn cứ vào thông tin về lĩnh vực kinh doanh. Các doanh nghiệp có thể lập báo cáo bộ phận theo kiểu ma trận nếu rủi ro và tỉ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động bởi cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

VAS 28 không yêu cầu báo cáo riêng rẽ tất cả các bộ phận của doanh nghiệp, mà một lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý cần được xác định là một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu phát

sinh từ bán hàng ra ngoài đồng thời thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- Tổng doanh thu của bộ phận từ việc bán hàng ra ngoài và từ giao dịch với các bộ phận khác phải chiếm từ 10% trở lên trên tổng doanh thu của tất cả bộ phận.

- Kết quả kinh doanh của bộ phận này bất kể lãi (hay lỗ) chiếm từ 10% trở lên trên tổng lãi (hay lỗ) của tất cả các bộ phận có lãi (hoặc trên tổng lỗ của tất cả các bộ phận lỗ) nếu đại lượng nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn.

- Tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên trên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Trong trường hợp tổng doanh thu bán hàng ra ngoài của doanh nghiệp được phân bổ cho các bộ phận có thể được báo cáo thấp hơn 75% tổng số doanh thu của doanh nghiệp hoặc doanh thu của tập đoàn thì phải xác định thêm bộ phận cần báo cáo (kể cả khi bộ phận đó không đáp ứng được tiêu chuẩn 10%) cho tới khi đạt được ít nhất 75% tổng số doanh thu của doanh nghiệp hoặc tập đoàn được tính cho các bộ phận báo cáo được.

Doanh nghiệp phải trình bày doanh thu bộ phận và kết quả bộ phận đối với mỗi bộ phận cần báo cáo. Bên cạnh đó, doanh nghiệp phải trình bày tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận đối với mỗi bộ phận cần báo cáo. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng phải trình bày tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản cố định, tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn của bộ phận đối với mỗi bộ phận cần báo cáo.

Sự khác biệt cơ bản giữa VAS 28 và IFRS 8 bao gồm: (i) IFRS 8 định nghĩa bộ phận cần báo cáo không nhất thiết là bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay theo khu vực địa lý như VAS 28 mà là các hoạt động kinh tế có thể tạo ra doanh thu hoặc phát sinh chi phí, có các thông tin tài chính riêng biệt cho chúng và kết quả hoạt động của chúng thường xuyên được các nhà quản lí xem xét để ra quyết định điều hành hoạt động; (ii) IFRS 8 yêu cầu trình bày thông tin về các bộ phận trên cơ sở thông tin mà các nhà quản lí sử dụng để điều hành hoạt động của doanh nghiệp trong khi VAS 28 yêu cầu trình bày thông tin trên cơ sở các thông tin tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán tài chính đã được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Thực tế trình bày thông tin về các bộ phận tại các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường

chứng khoán Việt Nam – so sánh với một số nước trên thế giới

Ra đời từ năm 2005 và có thông tư hướng dẫn thực hiện năm 2006 nhưng thực tế áp dụng VAS 28 trong thực tiễn còn khá hạn chế. Trên thực tế, cho đến tận đầu năm 2012 việc trình bày thông tin về các bộ phận mới được quan tâm nhiều hơn khi các sở giao dịch chứng khoán có công văn yêu cầu các công ty phải bổ sung báo cáo bộ phận hoặc giải trình lý do không có báo cáo bộ phận trong báo cáo tài

chính năm 2011.

Để tìm hiểu về thực tế áp dụng VAS 28, tác giả đã tiến hành khảo sát báo cáo tài chính năm 2012 của 30 công ty có giá trị vốn hóa và tính thanh khoản cao nhất trên thị trường chứng khoán thuộc danh mục rổ VN30 áp dụng từ ngày 22/7/2013 (bảng 1). Kết quả khảo sát cho thấy: 12 công ty (chiếm 40%) không trình bày báo cáo bộ phận, 13 công ty (chiếm 43,3%) trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, bốn công ty (chiếm 13,3%) trình bày báo cáo

Bảng 1: Trình bày báo cáo bộ phận của các công ty thuộc danh mục rổ VN30

Mã CK	Tên công ty	Báo cáo bộ phận chính yếu	Báo cáo bộ phận thứ yếu
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Lĩnh vực kinh doanh	-
EIB	Eximbank	Khu vực địa lí	Lĩnh vực kinh doanh
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Lĩnh vực kinh doanh	-
CMS	Công ty Cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam	Đơn vị trực thuộc	-
DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	-	-
CTG	Vietinbank	-	-
DPM	Tổng công ty Phân bón và hóa chất dầu khí	Lĩnh vực kinh doanh	-
MSN	Công ty Cổ phần tập đoàn MASAN	Lĩnh vực kinh doanh	-
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Lĩnh vực kinh doanh	-
PPC	Công ty Nhiệt điện Phả Lại	-	-
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Lĩnh vực kinh doanh	-
HSG	Công Ty cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	-	-
PET	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	Lĩnh vực kinh doanh	-
PVD	Công ty Cổ phần khoan và dịch vụ khoan dầu khí	Lĩnh vực kinh doanh	-
GMD	Công ty Cổ phần GEMADEPT	Lĩnh vực kinh doanh	-
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-
VCB	Vietcombank	Khu vực địa lí	Lĩnh vực kinh doanh
VNM	Công ty Sữa Việt Nam (Vinamilk)	Khu vực địa lí	-
HAG	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Lĩnh vực kinh doanh	-
VIC	Tập đoàn VinGroup	Lĩnh vực kinh doanh	-
KDC	Công ty Cổ phần Kinh Đô	Khu vực địa lí	-
FPT	Tập đoàn FPT	Lĩnh vực kinh doanh	-
CII	Công ty CP Đầu tư hạ tầng kĩ thuật TP HCM	-	-
OGC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	-
VSH	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn	-	-
PVF	Tổng công ty Tài chính cổ phần dầu khí Việt Nam	-	-
IJC	Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng kĩ thuật	Lĩnh vực kinh doanh	-
SBT	Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh	-	-
PGD	Công ty Cổ phần Phân phối khí áp thấp dầu khí Việt Nam	-	-
STB	NHTM Sài Gòn Thương Tín	-	-

Tác giả tổng hợp

bộ phận theo khu vực địa lí và một công ty - Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (chiếm 3,3%) trình bày báo cáo bộ phận không theo lĩnh vực kinh doanh cũng như khu vực địa lí, mà là theo các đơn vị trực thuộc (các xí nghiệp) (hình 1). Trong số 30 công ty này chỉ có Vietcombank và Eximbank trình bày cả hai báo cáo bộ phận chính yếu (theo khu vực địa lí) và báo cáo bộ phận thứ yếu (theo lĩnh vực kinh doanh). Lí do không trình bày báo cáo bộ phận thường được các công ty đưa ra là họ thuần túy chỉ có một lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính và chỉ hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam. Việc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam trình bày báo cáo bộ phận theo các xí nghiệp trực thuộc thể hiện sự pha trộn giữa lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lí, thực chất khá gần với định nghĩa về bộ phận báo cáo theo IFRS 8 (phát sinh doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động thường xuyên được các nhà quản lí xem xét để ra quyết định).

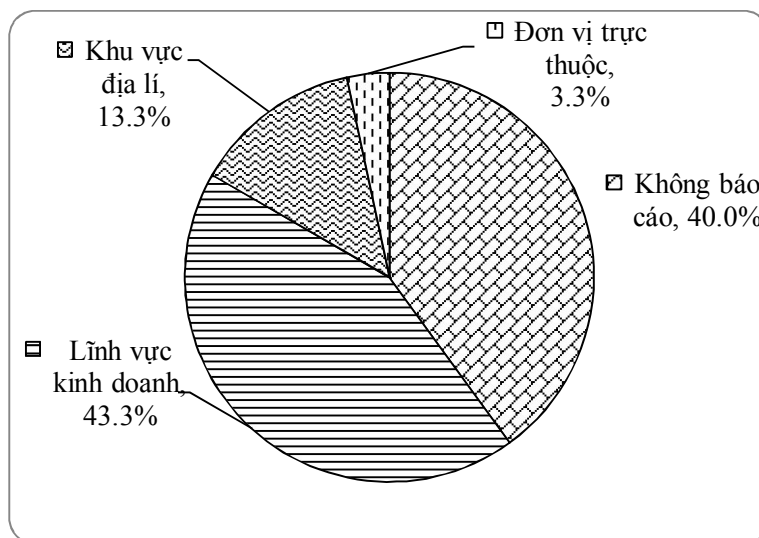
Về tiêu chí đo lường kết quả kinh doanh bộ phận, trong số 18 công ty trình bày báo cáo bộ phận, 14 công ty (chiếm 77,8%) sử dụng Lợi nhuận hoạt động kinh doanh, hai công ty (chiếm 11,1%) sử dụng Lợi nhuận gộp và hai công ty (chiếm 11,1%) sử dụng Lợi nhuận sau thuế (hình 2). Ngoài ra, có 4 công ty (chiếm 22,2%) trình bày thông tin về tài sản bộ phận và nợ bộ phận.

Trên thế giới, khảo sát của KPMG (2010) về việc áp dụng IFRS 8 tại các công ty thuộc danh sách Fortune Global 500 năm 2009 cho thấy có 66% các

công ty được khảo sát lập báo cáo bộ phận dựa trên cơ sở lĩnh vực kinh doanh, 11% lập báo cáo bộ phận dựa trên khu vực địa lí và 23% lập báo cáo bộ phận theo kiểu hỗn hợp (IAS 14 không cho phép điều này) (KPMG, 2010, tr.19). Khảo sát này cũng cho thấy số lượng trung bình các bộ phận được báo cáo tăng từ 4,6 khi áp dụng IAS 28 lên 5,2 khi áp dụng IFRS 8 (KPMG, 2010, tr.7). Về tiêu chí đo lường kết quả kinh doanh, có 36% các công ty sử dụng Lợi nhuận hoạt động kinh doanh hoặc lợi nhuận hoạt động kinh doanh có điều chỉnh, 9% sử dụng Lợi nhuận trước lãi vay và thuế (EBIT), 9% sử dụng Lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao (EBITDA) hoặc EBITDA có điều chỉnh, 23% sử dụng các tiêu chí khác và 23% các doanh nghiệp còn lại không có tiêu chí rõ ràng (KPMG, 2010, tr.31).

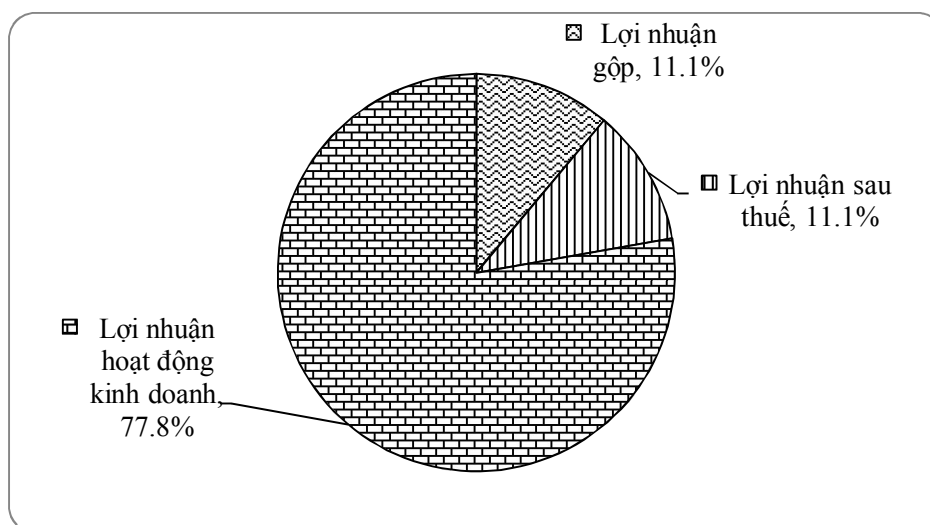
Nichols, Street & Cereola (2012) cũng đã nghiên cứu về ảnh hưởng của việc áp dụng IFRS 8 tới trình bày báo cáo bộ phận của các công ty blue chip châu Âu trên cơ sở khảo sát báo cáo tài chính năm 2008 và 2009 của 335 công ty niêm yết trên các thị trường chứng khoán Áo, Bỉ, Đan Mạch, Phần Lan, Pháp, Đức, Ai-len, Ý, Luc-xăm-bua, Hà Lan, Na-uy, Tây Ban Nha, Thụy Điển và Thụy Sĩ. Nghiên cứu này cho thấy năm 2009 (năm đầu tiên bắt buộc áp dụng IFRS 8) có 21 công ty (chiếm 6% và giảm 3 công ty so với trước khi áp dụng IFRS 8) báo cáo cả công ty là một bộ phận duy nhất (hay nói cách khác là không lập báo cáo bộ phận trong thuyết minh báo cáo tài chính), 64 công ty (chiếm 19%) lập báo cáo bộ phận dựa trên cơ sở chủ yếu là khu vực địa lí

Hình 1: Các loại báo cáo bộ phận chính yếu của các công ty thuộc danh mục rổ VN30



Nguồn: Tác giả tổng hợp

Hình 2: Tiêu chí đo lường kết quả kinh doanh bộ phận của các công ty thuộc danh mục rổ VN30



(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

(bao gồm cả hỗn hợp và ma trận) và 250 công ty (chiếm 75%) lập báo cáo bộ phận dựa trên cơ sở chủ yếu là lĩnh vực kinh doanh (bao gồm cả hỗn hợp và ma trận) (Nichols, Street và Cereola, 2012, tr.88, 91). Trong số 335 công ty được khảo sát có 16 công ty lập báo cáo bộ phận theo kiểu hỗn hợp và 88 công ty (chiếm 27%) báo cáo số lượng bộ phận nhiều hơn so với trước khi áp dụng IFRS 8 (Nichols, Street và Cereola, 2012, tr.88, 92). Về tiêu chí đo lường kết quả kinh doanh, có 180 công ty (chiếm 57%) sử dụng Lợi nhuận hoạt động kinh doanh, 73 công ty (chiếm 23%) sử dụng EBIT, 50 công ty (chiếm 16%) sử dụng EBITDA và chỉ có 53 công ty (chiếm 17%) sử dụng Lợi nhuận sau thuế - chỉ tiêu đo lường lợi nhuận được định nghĩa theo IFRS (Nichols, Street và Cereola, 2012, tr.93).

Như vậy, cả hai nghiên cứu này đều cho thấy có sự cải thiện về trình bày báo cáo bộ phận của các doanh nghiệp khi chuyển đổi từ IAS 14 sang IFRS 8. Ngoài ra, so sánh giữa việc lập báo cáo bộ phận của các doanh nghiệp thuộc danh sách rổ VN30 với các doanh nghiệp thuộc Fortune Global 500 và các doanh nghiệp thuộc Liên minh Châu Âu cho thấy các công ty ở Việt Nam cũng như trên thế giới đều có xu hướng báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là chủ yếu, tuy nhiên tỉ lệ các công ty báo cáo cả công ty là một bộ phận duy nhất ở Việt Nam cao hơn nhiều so với ở Liên minh Châu Âu. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp thuộc Fortune Global 500 và Liên minh Châu Âu có các tiêu chí đo lường kết quả bộ phận đa dạng hơn so với các công ty Việt Nam.

4. Ý nghĩa sử dụng thông tin về các bộ phận cho các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính

Thông tin về các bộ phận sẽ giúp các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính đánh giá chi tiết hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp theo từng lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lí. Việc phân tích này nhằm xem xét các lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lí nào đang là thế mạnh, góp phần vào sự tăng trưởng cho doanh nghiệp, lĩnh vực hoặc khu vực nào có ảnh hưởng xấu tới hiệu quả hoạt động kinh doanh chung của toàn doanh nghiệp từ đó đánh giá xác đáng về mức độ rủi ro cũng như lợi ích kinh tế doanh nghiệp có thể mang lại. Các chỉ tiêu tài chính thường được sử dụng để đánh giá hiệu quả của từng bộ phận là tỉ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần bộ phận và tỉ suất lợi nhuận trên tài sản bộ phận.

Tỉ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần bộ phận = $(\text{Lợi nhuận bộ phận}) / (\text{Doanh thu thuần bộ phận}) \times 100\%$

Tỉ suất lợi nhuận trên tài sản bộ phận = $(\text{Lợi nhuận bộ phận}) / (\text{Tài sản bộ phận bình quân}) \times 100\%$

Bảng 2 minh họa báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long gồm:

- Lĩnh vực sản xuất: Các loại nước uống có cồn và không cồn; các loại bao bì.
- Lĩnh vực thương mại: Kinh doanh các sản phẩm

Bảng 2: Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Lĩnh vực sản xuất		Lĩnh vực thương mại		Lĩnh vực dịch vụ		Lĩnh vực kinh doanh bất động sản		Tổng	
	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	71.718	43.342	25.176	34.723	914	670	4.500	2.700	102.309	81.465
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	71.790	44.388	28.793	35.525	464	204	2.440	1.026	103.488	81.142
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(72)	(1.046)	(3.617)	(802)	450	496	2.060	1.674	(1.179)	322
Tài sản trực tiếp bộ phận cuối năm	78.706	80.597	1.691	4.802	698	655	15.514	3.453	96.610	89.507
Tài sản không phân bổ									23.850	1.359
Tổng tài sản									120.460	90.866
Nợ phải trả bộ phận cuối năm	81.040	42.924	3.514	14.135	89	-	4.785	-	89.427	57.059
Nợ phải trả không phân bổ									2.149	359
Tổng Nợ phải trả									91.576	57.418

(Nguồn: Tổng hợp từ Thuyết minh báo cáo tài chính riêng năm 2011, 2012 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long)

hàng hóa, ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến.

- Lĩnh vực dịch vụ: Dịch vụ cho thuê xe ô tô.

- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

Có thể nhận thấy kết quả kinh doanh yếu kém của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long là do lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính và truyền thống của Công ty là sản xuất các loại nước uống có cồn và không cồn đã không có hiệu quả (lỗ hoạt động kinh doanh liên tiếp trong hai năm 2011 và 2012 lần lượt là 1.046 triệu đồng và 72 triệu đồng). Bên cạnh đó, lĩnh vực kinh doanh thương mại của công ty mặc dù có doanh thu rất cao (chiếm 43% tổng doanh thu năm 2011 và 25% tổng doanh thu năm 2012) nhưng đều báo cáo lỗ trong cả hai năm 2011 và 2012. Lợi nhuận Công ty Cổ phần Vang Thăng Long có được chủ yếu là từ cho thuê mặt bằng không dùng đến, điều này cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty đang tiềm ẩn rất nhiều rủi ro.

Nếu xem xét thêm qui mô tài sản, Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đã đầu tư cho lĩnh vực sản xuất sẽ càng khẳng định được hiệu quả hoạt động kinh doanh yếu kém của công ty. Qui mô đầu tư tài sản vào lĩnh vực sản xuất chiếm hầu hết tổng tài sản của công ty (90% tổng tài sản cuối năm 2011 và 81% tổng tài sản cuối năm 2012) nhưng đã làm suy giảm lợi ích kinh tế của các nhà đầu tư. Đặc biệt là tổng nợ phải trả của lĩnh vực sản xuất cuối năm 2012 đã vượt quá so với tài sản trực tiếp của nó là 2.234 triệu đồng, điều này cho thấy những khó khăn tài chính mà lĩnh vực sản xuất - hoạt động cốt lõi của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đang phải đối mặt.

Khi xem xét riêng biệt hiệu quả hoạt động của lĩnh vực dịch vụ và lĩnh vực kinh doanh bất động sản có thể thấy cả hai lĩnh vực này đều có hiệu quả hoạt động kinh doanh năm 2012 giảm sút so với năm 2011 với tỉ suất lợi nhuận hoạt

động kinh doanh trên doanh thu thuần giảm lần lượt từ 74% xuống 49% và từ 62% xuống 46%. (Do Công ty Cổ phần Vang Thăng Long không lập báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính năm 2010 nên không có đủ số liệu để xác định tỉ suất lợi nhuận trên tài sản bộ phận của năm 2011 để làm cơ sở so sánh với tỉ suất lợi nhuận trên tài sản bộ phận của năm 2012 cho từng lĩnh vực kinh doanh của Công ty).

Như vậy, có thể thấy thông tin về báo cáo bộ phận theo các lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long đã có ý nghĩa rất lớn đối với các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính trong việc tìm hiểu và đánh giá những rủi ro và thách thức mà Công ty đang gặp phải.

5. Kết luận

VAS 28 giới hạn các bộ phận báo cáo chỉ là theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý đã dẫn tới thực tế có nhiều doanh nghiệp coi toàn bộ doanh

nh nghiệp là một bộ phận duy nhất, từ đó không trình bày báo cáo bộ phận trong thuyết minh báo cáo tài chính của mình. Do đó, VAS 28 nên được sửa đổi cho phù hợp với IFRS 8 nhằm tăng số lượng các doanh nghiệp có báo cáo bộ phận và tăng số lượng bộ phận báo cáo của mỗi doanh nghiệp (do IFRS 8 định nghĩa về bộ phận báo cáo là các hoạt động tạo ra doanh thu hoặc phát sinh chi phí mà các nhà quản lí thường xuyên phải xem xét về kết quả hoạt động của chúng) từ đó cung cấp nhiều thông tin hữu ích hơn cho các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính.

Trên góc độ đối tượng sử dụng báo cáo tài chính, trong quá trình phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp cần thiết phải sử dụng báo cáo bộ phận của các doanh nghiệp để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của từng bộ phận, từ đó đánh giá hợp lí về mức độ rủi ro cũng như các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp có thể đạt được □

Tài liệu tham khảo:

- Epstein B. J. and Jermakowicz E. K. (2009), 'IFRS Converges to U.S. GAAP on Segment Reporting', *Journal of Accountancy*, April, pp.50.
- KPMG (2010), *The Application of IFRS: Segment Reporting*, September.
- Nichols, N. B., Street, D. L. and Cereola, S. J. (2012), 'An analysis of the impact of adopting IFRS 8 on the segment disclosures of European blue chip companies', *Journal of International Accounting, Auditing and Taxation*, Issue. 21. pp 79– 105.
- PricewaterhouseCooper (2008a), *A Practice Guide to Segment Reporting*, September.
- PricewaterhouseCooper. (2008b). *Similarities and Differences: A comparison of IFRS and Thai GAAP, Vietnamese GAAP, Cambodian GAAP and Laos GAAP*, October.
- Valenza, P. T. and Heem, G. (2010), *An Analysis of Segment Disclosures Under IAS 14 and IFRS 8*, May 25, Available at SSRN: <http://ssrn.com/abstract=1615430> or <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.1615430>

Disclosure and using segment information under VAS 28 at listed companies on Vietnamese stock exchange

Abstract:

Although VAS 28 was issued in 2005, there have been many problems in putting the system into practice. If segment information is appropriately disclosed, it will be useful to a lot of financial statement users. This paper presents three major issues: (i) Requirements of disclosure of operating segments under the Vietnamese accounting standards; (ii) Disclosure of operating segments at listed companies on Vietnamese Stock Exchange in comparison with other countries and; (iii) Usefulness of disclosure of operating segments for financial statement users.

Thông tin tác giả:

***Phạm Thị Thủy**, tiến sĩ

- Nơi công tác: Viện Kế toán- Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: thuypt@neu.edu.vn